

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HSST

Ngày 27/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thanh;

2. Ông Bùi Văn Kiên.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2017/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/HSST-QĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức Th; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1988; tại xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT: Thôn Chợ, xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá; nơi ở hiện nay: Thôn Chợ, xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá; CMND số: 1727xxxxx; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H; có vợ là Bùi Thị S và có 03 con; tiền sự: Bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã từ ngày 10/01/2017 với thời hạn 03 tháng; tiền án: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 13/5/2017 đến ngày 22/5/2017; bị tạm giam từ ngày 22/5/2017 đến ngày 08/6/2017. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Bảo lĩnh; “có mặt”

Người bị hại:

1. Anh Bùi Văn H; sinh ngày 20 tháng 3 năm 1990; cư trú tại: Thôn Bùi, xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt”

2. Anh Bùi Văn S; sinh ngày 21/02/1999; cư trú tại: Thôn Eo Bàn, xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị Ng; sinh ngày 05 tháng 5 năm 1970; cư trú tại: Thôn Chợ, xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt” (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ông Bùi Văn M; sinh ngày 12 tháng 12 năm 1962; cư trú tại: Thôn Chợ, xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt” (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Nguyễn Văn H; sinh ngày 13 tháng 5 năm 1994; cư trú tại: Thôn Liên Hưng, xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 18 giờ ngày 17/3/2017, trong lúc cùng chơi với Nguyễn Văn H tại quán Internet gần cổng chợ xã Thành Kim, Nguyễn Đức Th nảy sinh ý định đến nhà anh Bùi Văn H ở Thôn Bùi, xã Thành Thọ có quan hệ anh em với Thủy mượn chiếc xe mô tô của anh Hải để cầm cố lấy tiền đánh bạc. Thủy rủ Hiệp bắt xe ôm đến nhà anh Hải, khi đến nơi, Thủy bảo H đứng ngoài đường chờ, còn Th vào nhà anh H. Tại nhà anh H, Th nói với anh H cho Th mượn xe mô tô của anh H để Th về nhà. Anh H đồng ý, lấy chìa khóa xe mô tô BKS 28F1-014.55 đưa cho Th. Sau khi lấy được xe của anh H, Th đi ra đón H về thị trấn Kim Tân chơi, rồi mang chiếc xe trên đến nhà bà Phan Thị T ở khu 5, thị trấn Kim Tân cầm cố lấy 3.000.000đ. Khi Th cầm cố chiếc xe, H có hỏi tại sao lại cầm cố xe đi mượn, Th nói với H là chú của Th (tức anh H) đồng ý cho Th cầm cố chiếc xe nên H không nói gì nữa. Sau khi lấy được tiền, Th vào nhà Vũ Hồng Q ở khu 1 Thị trấn Kim Tân đánh bạc và bị thua hết tiền. Th cùng H đến quán Internet nhà anh Đ ở gần Trung tâm giáo dục thường xuyên Thạch Thành ngủ qua đêm. Trưa ngày 18/3/2017, Th đến nhà bà T mượn lại chiếc xe mô tô của anh H và nhờ H đưa đến nhà ông M ở thôn Chợ, xã Thành Kim cầm cố. Tại nhà ông M, H gặp bà Đỗ Thị Ng là vợ ông M viết giấy vay 6.000.000đ và để lại chiếc xe mô tô cho bà Ng. Sau đó, H đem số tiền này đưa cho Th. Th trả cho bà T 3.000.000đ, còn lại 3.000.000đ Th lại đến nhà Vũ Hồng Q đánh bạc và lại bị thua hết. Kết quả định giá tài sản chiếc xe mô tô của anh H tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 7.000.000đ.

Ngày 05/5/2017, khi đang ở nhà của bố vợ tại thôn Thành Minh, xã Thành Long, do không có tiền để mua ma túy để sử dụng, Nguyễn Đức Th nảy sinh ý định lừa anh Bùi Văn S người thôn Eo Bàn, xã Thành Long lấy chiếc xe mô tô của anh S để cầm cố lấy tiền mua ma túy. Th gọi điện cho anh S bảo đến nhà bố vợ Th để cùng sử dụng ma túy. Khi anh S đến, Th nói cho Th mượn xe để đi mua kim tiêm về chích ma túy. Anh S đồng ý, đưa xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA BKS 36E1-190.54 cho Th. Th đi ngay xuống thành phố Thanh Hóa cầm cố được 2.550.000đ mua ma túy và tiêu xài hết. Kết quả định giá chiếc xe mô tô của anh S tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 10.000.000đ.

Bị cáo Nguyễn Đức Th khai nhận, vào khoảng 18 giờ, ngày 17/3/2017 bị cáo đã lừa lấy chiếc xe mô tô của anh Bùi Văn H đem đi cầm cố lấy tiền đánh bạc và thua hết. Ngày 05/5/2017, bị cáo lại lừa lấy xe mô tô của anh Bùi Văn S đem xuống Thành phố Thanh Hóa cầm cố lấy tiền mua ma túy và tiêu xài hết (BL 118, 120, 123, 124, 126, 140, 141, 154, 155, 158, 159, 161, 170, 171 và tại phiên tòa).

Người bị hại Bùi Văn H trình bày, khoảng 18 giờ ngày 17/3/2017, Th đến nhà và hỏi mượn xe mô tô để về nhà lấy tiền. Anh đồng ý và giao xe cho Th, nhưng Th không trả xe cho anh. Ngày 21/3/2017, anh đã đến công an huyện Thạch Thành trình báo yêu cầu điều tra làm rõ. Đến nay, anh đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc xe, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường (BL 130, 132, 134).

Người bị hại Bùi Văn S trình bày, chiều ngày 05/5/2017, Th gọi điện thoại cho anh rủ anh đến nhà bố vợ Th ở thôn Thành Minh, xã Thành Long cùng sử dụng ma túy. Khi anh đi xe mô tô đến nơi, Th nói cho Th mượn xe để đi mua kim tiêm về chích ma túy. Anh đồng ý đưa xe cho Th, Th lên xe đi, anh ở lại chờ Th, nhưng chờ mãi mà Th không về trả xe cho anh. Ngày 09/5/2017, anh đã đến công an trình báo và yêu cầu điều tra sự việc. Nay anh đã nhận lại chiếc xe mô tô mà Th đã mượn nên anh không yêu cầu bị cáo bồi thường (BL 94, 96, 98)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Ng trình bày, trưa ngày 18/3/2017, bà đã cho Nguyễn Văn H vay 6.000.000 đ, có viết giấy, H đã thế chấp chiếc xe mô tô BKS 28F1-014.55. Khi đó, H nói chiếc xe do mẹ H mới mua cho H, xe có đăng ký, H đã giao lại giấy tờ xe và chứng minh nhân dân của H cho bà, bà không biết chiếc xe đó do phạm tội mà có (BL 138).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn M trình bày, trưa ngày 18/3/2017, ông và vợ ông là bà Đỗ Thị Ng đang ở nhà thì có Nguyễn Văn H đến vay 6.000.000đ, bà Ng làm giấy tờ cho H vay, H đã thế chấp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, đăng ký xe và chứng minh nhân dân của H, ông không biết chiếc xe đó do phạm tội mà có, sau đó ông được cơ quan điều tra thông báo chiếc xe mà H thế chấp tại nhà ông là xe do Nguyễn Đức Th lừa đảo của người khác nên ông và bà Ng đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra. Ông cũng đã được cơ quan điều tra giao số tiền 2.500.000đ do ông Nguyễn Văn S là bố đẻ của Nguyễn Đức Th nộp để khắc phục hậu quả. Số tiền còn lại 3.500.000đ, ông yêu cầu Nguyễn Đức Th phải bồi thường cho gia đình ông (BL 153a, 153b).

Người làm chứng Nguyễn Văn H trình bày, khoảng 18 giờ ngày 17/3/2017, Th rủ H đi xã Thành Thọ, cả hai bắt xe ôm đến khu vực Ủy ban nhân dân xã thì xuống xe, Thủy bảo H ở ngoài đường chờ, còn Th vào nhà. Sau đó, Th đi xe mô tô ra và đưa H về thị trấn Kim Tân chơi, đến 21 giờ, Thủy đi cầm cố xe mô tô cho bà T, H có cản ngăn thì Th nói chú của Th đã đồng ý cho Th cầm cố xe. Trưa ngày 18/3/2017, Th nhờ H đem chiếc xe lên nhà ông M cầm cố lấy 6.000.000đ, khi lấy được tiền, H đã giao hết cho Th (BL 142, 143, 145).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người bị hại, đại diện Viện kiểm sát không có khiếu nại gì về kết quả định giá tài sản.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức Th đã tác động để gia đình chuộc lại chiếc xe mô tô đã mượn của anh S trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

Tại bản cáo trạng số 36/CTr-VKS-SH, ngày 21/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Đức Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48; điều 33 BLHS, xử phạt Nguyễn Đức Th từ 15 đến 21 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, những người bị hại đã nhận lại các tài sản bị cáo chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, đại diện VKSND đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về bồi thường thiệt hại: Đại diện VKSND đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Ng và ông Bùi Văn M, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Ng, ông M số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, giao trả lại hai chiếc xe mô tô bị cáo đã chiếm đoạt, kèm theo đăng ký xe cho anh Bùi Văn H, ông Bùi Văn S (bố của Bùi Văn S) là chủ sở hữu hợp pháp; giao trả Giấy chứng minh thư nhân dân cho Nguyễn Văn H, đại diện VKSND đề cập không xử lý.

Trong lời sau cùng, bị cáo thừa nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo đã có hành vi nói dối để mượn được xe mô tô của người khác rồi đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS.

[3] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi của bị cáo không chỉ gây bức xúc cho những người bị hại mà còn gây mất trật tự xã hội. Bị cáo đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, chưa hết thời gian để được coi là chưa bị xử lý hành chính, bản thân bị cáo là người nghiện chất ma túy. Do đó, cần xử bị cáo một mức án phù hợp và cách ly bị cáo khỏi xã hội. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình để gia đình chuộc lại chiếc xe mô tô bị cáo đã chiếm đoạt của anh S trả lại cho chủ sở hữu tài sản là đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú về hành vi phạm tội của của

mình. Do vậy, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, đầu thú, được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS.

[5] Bị cáo đã hai lần chiếm đoạt tài sản của hai người khác nhau, mỗi một lần phạm tội đều cấu thành một tội độc lập. Do đó, bị cáo đã phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, những người bị hại đã nhận lại các tài sản bị cáo chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên miễn xem xét.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Ng và ông Bùi Văn M, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Ng, ông M 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

[8] Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên miễn xét.

[9] Nguyễn Văn H không biết việc Nguyễn Đức Th do phạm tội mà có tài sản nên hành vi của H cùng đi với Th đến nhà anh H và giúp Th đi cầm cố chiếc xe mô tô lấy 6.000.000đ không cấu thành tội phạm.

[10] Hành vi của bà Phan Thị T cho Nguyễn Đức Th cầm cố chiếc xe mô tô và hành vi của bà Đỗ Thị Ng và ông Bùi Văn M cho Nguyễn Văn H cầm cố chiếc xe mô tô cũng không cấu thành tội phạm, do họ không biết rõ chiếc xe mô tô đem đi cầm cố là tài sản do phạm tội mà có.

[11] Cơ quan điều tra đã tách hành vi Nguyễn Đức Th đánh bạc cùng với một số người khác tại nhà của Vũ Hồng Q ở khu 1 thị trấn Kim Tân, do những người này hiện không có mặt ở địa phương là đúng pháp luật.

[12] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”

Áp dụng khoản 1 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Đức Th 15 (mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án, được trừ 27 (Hai mươi bảy) ngày do bị tạm giữ, tạm giam từ trước.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 Bộ luật dân sự (BLDS), buộc Nguyễn Đức Th bồi thường cho bà Đỗ Thị Ng và ông Bùi Văn M số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chưa thi hành án khoản tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo Th còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS năm 2003; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016, Nguyễn Đức Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Công an Thạch Thành;
- VKSND Thạch Thành;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Anh Đức